

STT	Tên tài sản	Mã tài sản	Mã tài sản mới	Ngày tăng	Vị trí	SLSS	SLTT	Ghi chú
11	Camera quay quét Speed Dome KCE - SPD 360	02901.00.030000.267	1210	5/4/2014	Cơ sở 1 Kho quản trị & đầu tư	1	1	
12	Camera quay quét Speed Dome KCE - SPD 360	02901.00.030000.268	1211	5/4/2014	Cơ sở 1 Kho quản trị & đầu tư	1	1	
13	Camera quay quét Speed Dome KCE - SPD 360	02901.00.030000.269	1212	5/4/2014	Cơ sở 1 Kho quản trị & đầu tư	1	1	
14	Camera quay quét Speed Dome KCE - SPD 360	02901.00.030000.270	1213	5/4/2014	Cơ sở 1 Kho quản trị & đầu tư	1	1	
15	Camera quay quét Speed Dome KCE - SPD 360	02901.00.030000.271	1214	5/4/2014	Cơ sở 1 Kho quản trị & đầu tư	1	1	
16	Camera quay quét Speed Dome KCE - SPD 360	02901.00.030000.272	1215	5/4/2014	Cơ sở 1 Kho quản trị & đầu tư	1	1	
17	Camera quay quét Speed Dome KCE - SPD 360	02901.00.030000.273	1216	5/4/2014	Cơ sở 1 Kho quản trị & đầu tư	1	1	
18	Camera quay quét Speed Dome KCE - SPD 360	02901.00.030000.274	1217	5/4/2014	Cơ sở 1 Kho quản trị & đầu tư	1	1	
19	Camera quay quét Speed Dome KCE - SPD 360	02901.00.030000.275	1218	5/4/2014	Cơ sở 1 Kho quản trị & đầu tư	1	1	
20	Camera quay quét Speed Dome KCE - SPD 360	02901.00.030000.276	1219	5/4/2014	Cơ sở 1 Kho quản trị & đầu tư	1	1	
21	Camera quay quét Speed Dome KCE - SPD 360	02901.00.030000.277	1220	5/4/2014	Cơ sở 1 Kho quản trị & đầu tư	1	1	
22	Camera quay quét Speed Dome KCE - SPD 360	02901.00.030000.278	1221	5/4/2014	Cơ sở 1 Kho quản trị & đầu tư	1	1	
23	Máy lọc nước RO 3 vòi nóng lạnh HM2681 Haohsing (phòng thu HP)	02901.00.030000.413	1258	15/6/2020	Máy lọc nc phòng thu học phí	1	1	
24	Máy chiếu Hitachi CP X4042 WN	02901.01.030603.080	1328	23/1/2019	Kho QT	1	1	
25	Tủ lạnh Sharp XM400 - Kho chi Bé	02901.01.030902.001	1339	12/10/2016	Kho hoá chất	1	1	
26	Tủ lạnh Sharp XM400 - Kho chi Bé	02901.01.030902.002	1340	12/10/2016	Kho hoá chất	1	1	
27	Máy chiếu Epson W18	02901.06.030000.032	1405	31/12/2015	Kho QT	1	1	
28	Máy chiếu Epson W18	02901.06.030000.033	1406	31/12/2015	Kho QT	1	1	
29	Máy chiếu Epson W18	02901.06.030000.034	1407	31/12/2015	Kho QT	1	1	
30	Máy chiếu Hitachi CP-X4041 WN	02901.06.030000.046	1410	31/12/2015	Kho QT	1	1	
31	Máy chiếu Hitachi CP-X4041 WN	02901.06.030000.047	1411	31/12/2015	Kho QT	1	1	
32	Máy chiếu Hitachi CP-X4041 WN	02901.06.030000.048	1412	31/12/2015	Kho QT	1	1	
33	Máy chiếu Hitachi CP-X4041 WN	02901.06.030000.049	1413	31/12/2015	Kho QT	1	1	
34	Máy chiếu Hitachi CP-X4041 WN	02901.06.030000.050	1414	31/12/2015	Kho QT	1	1	
35	Máy chiếu Hitachi CP-X4041 WN	02901.06.030000.051	1415	31/12/2015	Kho QT	1	1	

STT	Tên tài sản	Mã tài sản	Mã tài sản mới	Ngày tăng	Vị trí	SLSS	SLTT	Ghi chú
36	Máy chiếu Hitachi CP-X4041 WN	02901.06.030000.052	1416	31/12/2015	Kho QT	1	1	
37	Máy chiếu Hitachi CP-X4041 WN	02901.06.030000.053	1417	31/12/2015	Kho QT	1	1	
38	Máy chiếu Hitachi CP-X4041 WN	02901.06.030000.057	1421	31/12/2015	Kho QT	1	1	
39	Máy chiếu Hitachi CP-X4041 WN	02901.06.030000.058	1422	31/12/2015	Kho QT	1	1	
40	Máy chiếu Hitachi CP-X4041 WN	02901.06.030000.059	1423	31/12/2015	Kho QT	1	1	
41	Máy chiếu Hitachi CP-X4041 WN	02901.06.030000.060	1424	31/12/2015	Kho QT	1	1	
42	Máy chiếu Hitachi CP-X4041 WN	02901.06.030000.061	1425	31/12/2015	Kho QT	1	1	
43	Máy chiếu Hitachi CP-X4041 WN	02901.06.030000.062	1426	31/12/2015	Kho QT	1	1	
44	Máy chiếu Hitachi CP-X4041 WN	02901.06.030000.063	1427	31/12/2015	Kho QT	1	1	
45	Máy chiếu Hitachi CP-X4041 WN	02901.06.030000.064	1428	31/12/2015	Kho QT	1	1	
46	Máy chiếu Hitachi CP-X4041 WN	02901.06.030000.066	1430	31/12/2015	Kho QT	1	1	
47	Máy chiếu Hitachi CP-X4041 WN	02901.06.030000.067	1431	31/12/2015	Kho QT	1	1	
48	Máy chiếu Hitachi CP-X4041 WN	02901.06.030000.068	1432	31/12/2015	Kho QT	1	1	
49	Máy chiếu Hitachi CP-X4041 WN	02901.06.030000.081	1445	31/12/2015	Kho QT	1	1	
50	Máy chiếu Hitachi CP-X4041 WN	02901.06.030000.090	1454	31/12/2015	Kho QT	1	1	
51	Máy chiếu Hitachi CP-X4041 WN	02901.06.030000.092	1456	31/12/2015	Kho QT	1	1	
52	Máy chiếu Hitachi CP-X4041 WN	02901.06.030000.093	1457	31/12/2015	Kho QT	1	1	
53	Máy chiếu Hitachi CP-X4041 WN	02901.06.030000.094	1458	31/12/2015	Kho QT	1	1	
54	Máy chiếu Hitachi CP-X4041 WN	02901.06.030000.095	1459	31/12/2015	Kho QT	1	1	
55	Máy chiếu Hitachi CP-X4041 WN	02901.06.030000.096	1460	31/12/2015	Kho QT	1	1	
56	Máy chiếu Hitachi CP-X4041 WN	02901.06.030000.097	1461	31/12/2015	Kho QT	1	1	
57	Máy chiếu Hitachi CP-X4041 WN	02901.06.030000.098	1462	31/12/2015	Kho QT	1	1	
58	Máy chiếu Hitachi CP-X4041 WN	02901.06.030000.099	1463	31/12/2015	Kho QT	1	1	
59	Máy chiếu Hitachi CP-X4041 WN	02901.06.030000.101	1464	31/12/2015	Kho QT	1	1	
60	Máy lọc nước HM2681-RO	02901.06.030000.141	1499	31/12/2015	Kho QT&DT	1	1	
61	Máy lọc nước HM2681-RO	02901.06.030000.142	1500	31/12/2015	Kho QT&DT	1	1	
62	Máy lọc nước HM2681-RO	02901.06.030000.143	1501	31/12/2015	Kho QT&DT	1	1	
63	Máy lọc nước HM2681-RO	02901.06.030000.144	1502	31/12/2015	Kho QT&DT	1	1	
64	Máy lọc nước HM2681-RO	02901.06.030000.145	1503	31/12/2015	Kho QT&DT	1	1	
65	Máy lọc nước HM2681-RO	02901.06.030000.146	1504	31/12/2015	Kho QT&DT	1	1	
66	Máy lọc nước HM2681-RO	02901.06.030000.147	1505	31/12/2015	Kho QT&DT	1	1	
67	Máy lọc nước HM2681-RO	02901.06.030000.148	1506	31/12/2015	Kho QT&DT	1	1	
68	Máy lọc nước HM2681-RO	02901.06.030000.149	1507	31/12/2015	Kho QT&DT	1	1	
69	Máy lọc nước HM2681-RO	02901.06.030000.150	1508	31/12/2015	Kho QT&DT	1	1	
70	Máy lọc nước HM2681-RO	02901.06.030000.151	1509	31/12/2015	Kho QT&DT	1	1	
71	Máy lọc nước HM2681-RO	02901.06.030000.152	1510	31/12/2015	Kho QT&DT	1	1	
72	Máy tính để bàn Dell Vostro 3670MT	02901.11.030100.001	1516	25/3/2021	Hiên, hòng để kho	1	1	
73	Máy chiếu Hitachi CP-X4041 WN	02905.06.030000.001	1565	2/1/2020		1	1	

STT	Tên tài sản	Mã tài sản	Mã tài sản mới	Ngày tăng	Vị trí	SLSS	SLTT	Ghi chú
74	Thiết bị phòng hội thảo	02906.00.030000.007	1568	30/9/2017	Kho QT	1	1	
75	Máy in siêu tốc Gestetner	02906.00.030000.011	1571	31/12/2019	Kho QT	1	1	
76	Máy in siêu tốc Gestetner DX 3443	02906.00.030000.012	1572	31/12/2019	Kho QT	1	1	
77	Loa L Vaudio PA-152M	02906.00.030000.013	1573	30/6/2019	Kho QT	1	1	
78	Loa Subwoofer L Vaudio S18	02906.00.030000.014	1574	30/6/2019	Kho QT	1	1	
79	Power mixer L Vaudio PMR 865	02906.00.030000.015	1575	30/6/2019	Kho QT	1	1	
80	Camera HD2 Sony PCSA-CXG80	02906.02.030000.005	1578	30/9/2017	Kho QT	1	1	
81	Máy PHA Cà PHÊ Tự ĐỘNG DELONGHI ECAM 26.455	02906.06.030000.001	1580	30/9/2017	Đang ở Trung tâm khảo thí - A Dững	1	1	
82	Tăng âm Airang SPA 2400A	02906.10.030000.001	1581	30/9/2017	Kho QT	1	1	
83	Bảng tương tác HITACHI STAR BOARD FX 89WEI	02906.10.030000.005	1584	30/6/2019	Kho QT	1	1	
84	Máy chiếu Hitachi CP X4042 WN-2018	02907.01.030603.292	1740	26/12/2018	Kho QT	1	1	
85	Máy lọc nước tinh khiết Haoshing HM- 2681-2017	02910.01.030000.002	1862	17/7/2017	Kho QT&ĐT	1	1	
86	Máy lọc nước tinh khiết Haoshing HM- 2681-2017	02910.01.030000.003	1863	17/7/2017	Kho QT&ĐT	1	1	
87	Máy lọc nước tinh khiết Haoshing HM- 2681-2017	02910.01.030000.004	1864	17/7/2017	Kho QT&ĐT	1	1	
88	Máy lọc nước tinh khiết Haoshing HM- 2681-2017	02910.01.030000.005	1865	17/7/2017	Kho QT&ĐT	1	1	
89	Máy lọc nước tinh khiết Haoshing HM- 2681-2017	02910.01.030000.006	1866	17/7/2017	Kho QT&ĐT	1	1	
90	Máy lọc nước tinh khiết Haoshing HM- 2681-2017	02910.01.030000.007	1867	17/7/2017	Kho QT&ĐT	1	1	
91	Máy lọc nước tinh khiết Haoshing HM- 2681-2017	02910.01.030000.008	1868	17/7/2017	Kho QT&ĐT	1	1	
92	Máy lọc nước tinh khiết Haoshing HM- 2681-2017	02910.01.030000.009	1869	17/7/2017	Kho QT&ĐT	1	1	
93	Máy lọc nước tinh khiết Haoshing HM- 2681-2017	02911.01.030000.001	2044	17/7/2017	Kho QT&ĐT	1	1	
94	Máy lọc nước tinh khiết Haoshing HM- 2681-2017	02911.01.030000.002	2045	17/7/2017	Kho QT&ĐT	1	1	
95	Máy lọc nước tinh khiết Haoshing HM- 2681-2017	02911.01.030000.008	2051	17/7/2017	Kho QT&ĐT	1	1	
96	Máy lọc nước tinh khiết Haoshing HM 2681	02912.01.031000.009	2060	10/11/2017	Kho QT&ĐT	1	1	

STT	Tên tài sản	Mã tài sản	Mã tài sản mới	Ngày tăng	Vị trí	SLSS	SLTT	Ghi chú
97	Máy lọc nước tinh khiết Haoshing HM 2681	02912.01.031000.010	2061	10/11/2017	Kho QT&ĐT	1	1	
98	Bảng tương tác thông minh Riotouch	02913.01.030000.001	2062	10/8/2017	Kho QT	1	1	
99	Bảng tương tác thông minh Riotouch	02913.01.030000.002	2063	10/8/2017	Kho QT	1	1	
100	Bảng tương tác thông minh Riotouch	02913.01.030000.003	2064	10/8/2017	Kho QT	1	1	
101	Bảng tương tác thông minh Riotouch	02913.01.030000.004	2065	10/8/2017	Kho QT	1	1	
102	Máy tính để bàn Dell Vostro 3669 MT - CLC - 2018	02913.01.030107.086	2066	11/7/2018	Kho QT&ĐT	1	1	
103	Máy tính để bàn Dell Vostro 3669 MT - CLC - 2018	02913.01.030107.087	2067	11/7/2018	Kho QT&ĐT	1	1	
104	Máy tính để bàn Dell Vostro 3669 MT - CLC - 2018	02913.01.030107.088	2068	11/7/2018	Kho QT&ĐT	1	1	
105	Máy tính để bàn Dell Vostro 3669 MT - CLC - 2018	02913.01.030107.089	2069	11/7/2018	Kho QT&ĐT	1	1	
106	Máy chiếu gần NEC NP-M333XSG	02913.01.030602.001	2094	10/8/2017	Kho QT	1	1	
107	Máy chiếu gần NEC NP-M333XSG	02913.01.030602.002	2095	10/8/2017	Kho QT	1	1	
108	Máy chiếu gần NEC NP-M333XSG	02913.01.030602.003	2096	10/8/2017	Kho QT	1	1	
109	Máy chiếu gần NEC NP-M333XSG	02913.01.030602.004	2097	10/8/2017	Kho QT	1	1	
110	Máy chiếu Hitachi CP X4042 WN-CLC-2018	02913.01.030603.092	2100	11/7/2018	Kho QT	1	1	
111	Máy chiếu Hitachi CP X4042 WN-CLC-2018	02913.01.030603.093	2101	11/7/2018	Kho QT	1	1	
112	Máy chiếu Hitachi CP X4042 WN-2018 - THCS	02914.01.030603.006	2107	26/11/2021	Kho QT	1	1	
113	Máy chiếu Hitachi CP X4042 WN-2018 - THCS	02914.01.030603.007	2108	26/11/2021	Kho QT	1	1	
114	Máy chiếu Maxell MC EX 4551	03301.00.030000.259	2263	2/8/2021	Kho QT	1	1	
115	Máy chiếu Maxell MC	03301.01.030605.214	2313	29/10/2019	A6 - T4 P03 (6C)	1	1	
116	Máy chiếu Maxell MC	03301.01.030605.223	2322	29/10/2019	A6 - T3 P05 (8A)	1	1	
117	Máy chiếu VPL CX 235 - 2018	05201.01.030603.184	3535	26/10/2018	Kho QT	1	1	
118	Micro không dây Seiteiser 2016 - Hội trường	05201.01.031001.002	3537	11/5/2016	Kho QT	5	5	
119	Máy chiếu Hitachi CP X4042 WN - 2017 - Nhà B2	05502.01.030603.001	3550	16/8/2017	Kho QT	1	1	
120	Máy chiếu Hitachi CP X4042 WN - 2017 - Nhà B2	05502.01.030603.002	3551	16/8/2017	Kho QT	1	1	
121	Máy chiếu Hitachi CP X4042 WN - 2017 - Nhà B2	05502.01.030603.003	3552	16/8/2017	Kho QT	1	1	

STT	Tên tài sản	Mã tài sản	Mã tài sản mới	Ngày tăng	Vị trí	SLSS	SLTT	Ghi chú
122	Máy chiếu Hitachi CP X4042 WN - 2017 - Nhà B2	05502.01.030603.004	3553	16/8/2017	Kho QT	1	1	
123	Máy chiếu Hitachi CP X4042 WN - 2017 - Nhà B3	05503.01.030603.004	3558	16/8/2017	Kho QT	1	1	
124	Máy chiếu Hitachi CP-X4041 WN	05503.06.030000.001	3559	2/1/2017	Kho QT	1	1	
125	Máy chiếu Hitachi CP X4042 WN - 2017 - Nhà A3	05702.01.030603.001	3562	16/8/2017	Kho QT	1	1	
126	Máy chiếu Hitachi CP X4042 WN - 2017 - Nhà A3	05702.01.030603.002	3563	16/8/2017	Kho QT	1	1	
127	Máy chiếu Hitachi CP X4042 WN - 2017 - Nhà A3	05702.01.030603.003	3564	16/8/2017	Kho QT	1	1	
128	Micro chọn 10 vùng RM-200M	06001.06.030000.010	3620	28/12/2015	Kho QT	1	1	
129	Bộ mở rộng RM-200X RM-210	06001.06.030000.012	3621	28/12/2015	Kho QT	1	1	
130	Bộ mở rộng RM-200X RM-210	06001.06.030000.013	3622	28/12/2015	Kho QT	1	1	
131	Bộ cấp nguồn FS-7000PS	06001.06.030000.016	3623	28/12/2015	Kho QT	1	1	
132	Bộ phát tín nhả khẩn cấp FV-200EV	06001.06.030000.017	3624	28/12/2015	Kho QT	1	1	
133	Bộ giao tiếp micro chọn vùng FV-200RF	06001.06.030000.018	3625	28/12/2015	Kho QT	1	1	
134	Bộ mixer tiền khuếch đại FV-200PP	06001.06.030000.019	3626	28/12/2015	Kho QT	1	1	
135	Bộ chọn 10 vùng loa SS-2010	06001.06.030000.020	3627	28/12/2015	Kho QT	1	1	
136	Bộ chọn 10 vùng loa SS-2010	06001.06.030000.021	3628	28/12/2015	Kho QT	1	1	
137	Bộ chọn 10 vùng loa SS-2010	06001.06.030000.022	3629	28/12/2015	Kho QT	1	1	
138	Máy chiếu Epson EB W18	06001.10.030000.016	3653	27/11/2015	T1 P03 (1B)	1	1	
139	Máy chiếu Epson EB W18	06001.10.030000.017	3654	27/11/2015	T1 P01 (1D)	1	1	
140	Máy chiếu Epson EB W18	06001.10.030000.018	3655	27/11/2015	T2 P04 (2A)	1	1	
141	Máy chiếu Epson EB W18	06001.10.030000.019	3656	27/11/2015	T2 P03 (2B)	1	1	
142	Máy chiếu Epson EB W18	06001.10.030000.021	3657	27/11/2015	T2 P06 (1G)	1	1	
143	Máy chiếu Epson EB W18	06001.10.030000.023	3659	27/11/2015	T2 P07 (3C)	1	1	
144	Máy chiếu Epson EB W18	06001.10.030000.025	3661	27/11/2015	T3 P07 (3B)	1	1	
145	Máy chiếu Hitachi CP X4042 WN - 2017	06007.01.030603.003	3828	18/8/2017	T3 - P 01 (4D) hòng cát kho	1	1	
146	Máy chiếu Hitachi CP X4042 WN-2018 - tiểu học	06007.01.030603.144	3830	12/9/2018	T1 - P 04 (1A)	1	1	
147	Máy chiếu Hitachi CP X4042 WN-2018 - tiểu học	06007.01.030603.145	3831	12/9/2018	T1 - P 02 (1C)	1	1	
148	Loa cột có vỏ kim loại, công suất 20W	02901.00.110000.065	8383	1/1/2008	Tại các phòng học	80	80	
149	Micro không dây 16 kênh TOA WM4210	02901.00.110000.140	8400	19/11/2015	Kho QT	1	1	

STT	Tên tài sản	Mã tài sản	Mã tài sản mới	Ngày tăng	Vị trí	SLSS	SLTT	Ghi chú
150	Micro không dây 16 kênh TOA WM4210	02901.00.110000.141	8401	19/11/2015	Kho QT	1	1	
151	Micro không dây 16 kênh TOA WM4210	02901.00.110000.142	8402	19/11/2015	Kho QT	1	1	
152	Micro không dây 16 kênh TOA WM4210	02901.00.110000.147	8406	19/11/2015	Kho QT	1	1	
153	Micro không dây 16 kênh TOA WM4210	02901.00.110000.148	8407	19/11/2015	Kho QT	1	1	
154	Micro không dây 16 kênh TOA WM4210	02901.00.110000.149	8408	19/11/2015	Kho QT	1	1	
155	Micro không dây 16 kênh TOA WM4210	02901.00.110000.150	8409	19/11/2015	Kho QT	1	1	
156	Micro cài ve áo, TOA WM5320 & WT 5810	02901.00.110000.152	8410	19/11/2015	Kho QT	1	1	
157	Micro cài ve áo cho giáo viên, TOA WM5320	02901.00.110000.153	8411	19/11/2015	Kho QT	1	1	
158	Micro không dây cho giáo viên Toa WM-5320 & WT-5810	02901.00.110000.167	8415	19/11/2015	Kho QT	1	1	
159	Micro không dây cho giáo viên Toa WM-5320 & WT-5810	02901.00.110000.168	8416	19/11/2015	Kho QT	1	1	
160	Màn chiếu Dailite P96TS (ba chân loại lớn 2.4m)	02901.01.110000.573	8487	13/12/2019	Kho QT&DT	2	2	
161	Loa thùng toàn dải	02901.04.110000.013	8493	19/11/2015	Kho QT	1	1	
162	Loa thùng toàn dải	02901.04.110000.014	8494	19/11/2015	Kho QT	1	1	
163	Loa thùng toàn dải	02901.04.110000.015	8495	19/11/2015	Kho QT	1	1	
164	Loa thùng toàn dải	02901.04.110000.016	8496	19/11/2015	Kho QT	1	1	
165	Loa kiểm tra	02901.04.110000.027	8498	19/11/2015	Hùng	1	1	
166	Loa kiểm tra	02901.04.110000.028	8499	19/11/2015	Hùng	1	1	
167	Crossover DBX 223XL	02906.00.110000.007	8520	30/6/2019	Kho QT	1	1	
168	Power L Vaudio MA3600	02906.00.110000.008	8521	30/6/2019	Kho QT	1	1	
169	Camera nổi mạng Panasonic,	02906.04.110000.001	8523	30/9/2017	Cam đi theo máy chỉ 1 con	2	2	
170	Tủ lạnh 2 ngăn Sanaky VH 4099 W1 Kiểu cửa :	02906.06.110000.003	8526	30/6/2019	Kho QT	1	1	
171	Đầu máy DVD Samsung BD E5300/XV	02906.10.110000.001	8527	30/6/2019	Kho QT	1	1	
172	Microphone TOA TS-903	02917.00.110000.001	8537	26/11/2021	Kho QT	51	51	
173	Pin ở trong bộ thu phát âm thanh TOA BP-900	02917.00.110000.002	8538	26/11/2021	Kho QT	51	51	

STT	Tên tài sản	Mã tài sản	Mã tài sản mới	Ngày tăng	Vị trí	SLSS	SLTT	Ghi chú
174	Tăng âm TOA A-2120	02917.00.110000.003	8539	26/11/2021	Kho QT	1	1	
175	Loa TOA DM-1200	02917.00.110000.004	8540	26/11/2021	Kho QT	4	4	
176	Bộ thu phát âm thanh chủ toạ TOA-TS-801	02917.00.110000.005	8541	26/11/2021	Kho QT	1	1	
177	Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02917.00.110000.006	8542	26/11/2021	Kho QT	1	1	
178	Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02917.00.110000.007	8543	26/11/2021	Kho QT	1	1	
179	Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02917.00.110000.008	8544	26/11/2021	Kho QT	1	1	
180	Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02917.00.110000.009	8545	26/11/2021	Kho QT	1	1	
181	Bộ thu phát hồng ngoại TOA TS-905	02917.00.110000.010	8546	26/11/2021	Kho QT	1	1	
182	Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02917.00.110000.011	8547	26/11/2021	Kho QT	1	1	
183	Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02917.00.110000.012	8548	26/11/2021	Kho QT	1	1	
184	Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02917.00.110000.013	8549	26/11/2021	Kho QT	1	1	
185	Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02917.00.110000.014	8550	26/11/2021	Kho QT	1	1	
186	Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02917.00.110000.015	8551	26/11/2021	Kho QT	1	1	
187	Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02917.00.110000.016	8552	26/11/2021	Kho QT	1	1	
188	Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02917.00.110000.017	8553	26/11/2021	Kho QT	1	1	
189	Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02917.00.110000.018	8554	26/11/2021	Kho QT	1	1	
190	Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02917.00.110000.019	8555	22/11/2021	Kho QT	1	1	
191	Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02917.00.110000.020	8556	26/11/2021	Kho QT	1	1	
192	Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02917.00.110000.021	8557	26/11/2021	Kho QT	1	1	
193	Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02917.00.110000.022	8558	26/11/2021	Kho QT	1	1	

STT	Tên tài sản	Mã tài sản	Mã tài sản mới	Ngày tăng	Vị trí	SLSS	SLTT	Ghi chú
194	Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02917.00.110000.023	8559	26/11/2021	Kho QT	1	1	
195	Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02917.00.110000.024	8560	26/11/2021	Kho QT	1	1	
196	Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02917.00.110000.025	8561	26/11/2021	Kho QT	1	1	
197	Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02917.00.110000.026	8562	26/11/2021	Kho QT	1	1	
198	Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02917.00.110000.027	8563	26/11/2021	Kho QT	1	1	
199	Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02917.00.110000.028	8564	26/11/2021	Kho QT	1	1	
200	Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02917.00.110000.029	8565	26/11/2021	Kho QT	1	1	
201	Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02917.00.110000.030	8566	26/11/2021	Kho QT	1	1	
202	Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02917.00.110000.031	8567	26/11/2021	Kho QT	1	1	
203	Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02917.00.110000.032	8568	26/11/2021	Kho QT	1	1	
204	Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02917.00.110000.033	8569	26/11/2021	Kho QT	1	1	
205	Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02917.00.110000.034	8570	26/11/2021	Kho QT	1	1	
206	Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02917.00.110000.035	8571	26/11/2021	Kho QT	1	1	
207	Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02917.00.110000.036	8572	26/11/2021	Kho QT	1	1	
208	Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02917.00.110000.037	8573	26/11/2021	Kho QT	1	1	
209	Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02917.00.110000.038	8574	26/11/2021	Kho QT	1	1	
210	Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02917.00.110000.039	8575	26/11/2021	Kho QT	1	1	
211	Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02917.00.110000.040	8576	26/11/2021	Kho QT	1	1	
212	Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02917.00.110000.041	8577	26/11/2021	Kho QT	1	1	

STT	Tên tài sản	Mã tài sản	Mã tài sản mới	Ngày tăng	Vị trí	SLSS	SLTT	Ghi chú
213	Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02917.00.110000.042	8578	26/11/2021	Kho QT	1	1	
214	Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02917.00.110000.043	8579	26/11/2021	Kho QT	1	1	
215	Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02917.00.110000.044	8580	26/11/2021	Kho QT	1	1	
216	Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02917.00.110000.045	8581	26/11/2021	Kho QT	1	1	
217	Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02917.00.110000.046	8582	26/11/2021	Kho QT	1	1	
218	Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02917.00.110000.047	8583	26/11/2021	Kho QT	1	1	
219	Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02917.00.110000.048	8584	26/11/2021	Kho QT	1	1	
220	Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02917.00.110000.049	8585	26/11/2021	Kho QT	1	1	
221	Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02917.00.110000.050	8586	26/11/2021	Kho QT	1	1	
222	Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02917.00.110000.051	8587	26/11/2021	Kho QT	1	1	
223	Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02917.00.110000.052	8588	26/11/2021	Kho QT	1	1	
224	Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02917.00.110000.053	8589	26/11/2021	Kho QT	1	1	
225	Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02917.00.110000.054	8590	26/11/2021	Kho QT	1	1	
226	Thang TH05-00 XH - Kho hóa chất	02901.01.120000.242	10744	16/6/2019	Kho hoá chất	1	1	
227	Tivi SamsungUA40J5009	02905.01.120000.015	10766	19/7/2016	Phòng trực HB chuyển về	1	1	
228	Tivi SamsungUA40J5011	02905.01.120000.017	10768	19/7/2016	Phòng trực HB chuyển về	1	1	
229	Giá treo máy chiếu gắn VTS1200	02913.01.120000.010	10798	10/8/2017	Kho QT	4	4	
230	Máy chiếu Wiewsonic LS 500W HP	02901.01.030000.163	15114	13/4/2023	Kho QT	1	1	
231	Máy chiếu Wiewsonic LS 500W HP	02901.01.030000.162	15115	13/4/2023	Kho QT	1	1	
232	Máy chiếu Wiewsonic LS 500W HP	02901.01.030000.161	15116	13/4/2023	Kho QT	1	1	
233	Máy chiếu Wiewsonic LS 500W HP	02901.01.030000.160	15117	13/4/2023	Kho QT	1	1	
234	Máy chiếu Wiewsonic LS 500W HP	02901.01.030000.159	15118	13/4/2023	Kho QT	1	1	
235	Micro đại biểu Toa TS 902	02201.06.110000.010	2166	28/12/2015	Phòng họp Tầng 2	23	23	

STT	Tên tài sản	Mã tài sản	Mã tài sản mới	Ngày tăng	Vị trí	SLSS	SLTT	Ghi chú
236	Cần micro tiêu chuẩn Toa TS 903	02201.06.110000.012	2167	28/12/2015	Phòng họp Tầng 2	20	20	
237	Pin Lithium BP-900	02201.06.110000.013	2168	28/12/2015	Phòng họp Tầng 2	24	24	

Nghệ An, ngày Tháng năm 2024

TRƯỞNG BAN KIỂM KÊ

PHÒNG KH-TC

PHÒNG QT&ĐT

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

BỘ PHẬN KIỂM KÊ


 Trần Anh Tuấn

 Trần Nhật Lê

